

**BIÊN BẢN CHẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1 K56**

Học kì II- Năm học 2008- 2009

Môn thi: Địa lí kinh tế - xã hội Mỹ, Phi úc

Ngày chấm thi:...../...../.....

Ngày lên điểm:...../...../.....

STT	Số phách	Điểm bảng số	Họ và tên	Số báo danh	Ghi chú
1	1	5	Bùi Thị An	001	
2	2	7	Quách Thị Ba	002	
3	3	6	Nguyễn Thị Dung	003	
4	4	6.5	Phan Thị Kim Dung	004	
5	5	6.5	Triệu Thị Dung	005	
6	6	6.5	Ngô Thị Đông	006	
7	7	4	Trần Thị Hương Giang	007	
8	8	4	Lê Hoàng Hà	008	
9	9	6	Nguyễn Thị Hồng Hà	009	
10	10	7	Lương Thị Hải	010	
11	11	5	Đỗ Thị Thu Hạnh	011	
12	12	5	Đinh Thị Thu Hằng	012	
13	13	7.5	Nguyễn Thị Hằng	013	
14	14	5.5	Lưu Thị Hiền	014	
15	15	6	Ma Thị Ngọc Hoa	015	
16	16	4	Trần Thị Thu Hoài	016	
17	17	5	Phạm Thị Huế	017	
18	18	6	Trần Thị Huế	018	
19	19	6	Nguyễn Thị Liên	019	
20	20	6	Mè Diệu Linh	020	
21	21	6.5	Nguyễn Hoàng Linh	021	
22	22	6	Lý Văn Lương	022	
23	23	7	Nguyễn Thị Mây	023	
24	24	4.5	Lê Thị Nga	024	
25	25	6	Nguyễn Thị Thuý Ngân	025	
26	26	5	Lê Văn Nghĩa	026	
27	27	7	Quan Thị Nguyệt	027	
28	28	7	Trương Ngọc Oanh	028	
29	29	6	Nguyễn Thị Ánh Phương	029	
30	30	5	Nguyễn Thị Phượng	030	
31	31	6	Hà Thị Quế	031	
32	32	5	Nguyễn Thị Thanh	032	
33	33	5.5	Lô Thị Thảo	033	
34	34	4	Nguyễn Thị Phương Thảo	034	
35	35	5	Nguyễn Thị Thẩm	035	
36	36	6.5	Đinh Thị Thoa	036	
37	37	4	Bùi Thị Thuý	037	
38	38	6.5	Đặng Thị Hồng Thuý	038	
39	39	5	Lê Thị Thự	039	
40	40	6.5	Bùi Đức Tiến	040	
41	41	5	Trần Thị Tuyên	041	
42	42	3	Nguyễn Đức Cấn	042	
43	43	6	Vũ Thị Thuý Dương	043	
44	44	4.5	Nguyễn Thị Đản	044	

STT	Số phách	Điểm bằng số	Họ và tên	Số báo danh	Ghi chú
45	45	6	Nguyễn Thị Giang	045	
46	46	3.5	Lữ Thị Hà	046	
47	47	7	Tào Thị Hà	047	
48	48	4	Trần Thị Thu Hà	048	
49	49	7	Đặng Thị Hải	049	
50	50	6.5	Bùi Thị Hậu	050	
51	51	6	Lê Thị Hiền	051	
52	52	6	Ngô Thị Phương Hiền	052	
53	53	7.5	Nguyễn Thị Hoa	053	
54	54	7	Phạm Thị Thủy Hồng	054	
55	55	6.5	Trần Thị Út Huệ	055	
56	56	4	Vũ Thu Hường	056	
57	57	6.5	Nguyễn Thị Hường	057	
58	58	5	Hà Thị Huyền Linh	058	
59	59	5	Phạm Thị Linh	059	
60	60	6	Vũ Thị Thu Linh	060	
61	61	7	Trần Thị Ngoan	061	
62	62	7	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	062	
63	63	8	Nguyễn Thị Nhân	063	
64	64	7	Bùi Thị Lan Phương	064	
65	65	7	Đặng Thị Quy	065	
66	66	7	Lê Văn Thái	066	
67	67	5	Dương Thị Thảo	067	
68	68	6	Đặng Thị Thảo	068	
69	69	5	Nguyễn Thị Thảo	069	
70	70	5	Nguyễn Thị Thơm	070	
71	71	7.5	Nguyễn Thị Thu	071	
72	72	7	Hà Thị Thuần	072	
73	73	8	Nguyễn Thị Thủy	073	
74	74	6.5	Vi Thị Ngọc Thủy	074	
75	75	6	Phạm Thị Thủy	075	
76	76	6	Dương Thị Mai Thương	076	
77	77	7	Dương Thị Tư	077	
78	78	8	Hoàng Thị Thủy Vân	078	
79	79		Nguyễn Ngọc Hoàng	079	
80	80	0.5	Nguyễn Thị Diệu Huyền	080	
81	81		Phạm Quang Hùng	081	
82	82	0	Hoàng Vũ Hải Long	082	
83	83	3	Nguyễn Bá Thiệp	083	
84	84	4.5	Nguyễn Thị Thủy Dương	084	
85	85	4.5	Phạm Văn Hải	085	
86	86	2	Nguyễn Thị Như Hoa	086	
87	87	4	Nguyễn Việt Hồng	087	
88	88	4.5	Bùi Hồng Huệ	088	
89	89	4.5	Phạm Xuân Huy	089	
90	90	5	Hà Thị Thu Hương	090	
91	91		Phạm Thị Lan	091	
92	92	3.5	Nguyễn Thị Ngọc	092	
93	93	4	Lục Hải Quỳnh	093	
94	94	5	Trần Như Quỳnh	094	
95	95	4	Phạm Thị Hồng Thái	095	
96	96	4	Nguyễn Phương Thảo	096	

STT	Số phách	Điểm bằng số	Họ và tên	Số báo danh	Ghi chú
97	97	4	Nguyễn Thị Vân Thu	097	
98	98	5.5	Đỗ Thị Thanh Thủy	098	
99	99	2	Nguyễn Thị Thu Trang	099	
100	100	3	Nguyễn Thị Tuyết	100	
101	101	6	Nguyễn Thanh Tùng	101	
102	102	4	Lại Thị Lệ Xuân	102	
103	103	4	Nguyễn Thị Hải Yến	103	
104	104	7	Trần Thị Cúc	104	
105	105	9	Trần Thị Điệp	105	
106	106	8	Lưu Thị Thu Hà	106	
107	107	7	Nguyễn Thị Hằng	107	
108	108	7	Vũ Thị Ngọc Hoài	108	
109	109	8	Trần Thị Huấn	109	
110	110	7	Nguyễn Minh Huyền	110	
111	111	7	Trần Thị Thanh Huyền	111	
112	112	8	Nguyễn Thị Diệu Linh	112	
113	113	8	Dương Thị Lợi	113	
114	114	8	Tạ Thị Thảo	114	
115	115	8	Nguyễn Phương Thủy	115	
116	116	7	Trần Thị Mai Vân	116	
117	117	8	Nguyễn Thị Yến	117	
118	118	8	Vũ Thị Yến	118	

Người lên điểm

Ban chủ nhiệm khoa duyệt